



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # 0238345-CRU/V6

VEWL.# _____

I-171 : Yes ☒ No

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nghiem Ngoc An
Last Middle First
- Current Address 102 Lot F Nguyen Thien Thuat Complex, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Date of Birth Jan 12, 1941 Place of Birth Ha Dong, Vietnam
- Previous Occupation (before 1975) Major, Vice Commander Flying Squad 516
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 15, 1975 To Aug 31, 1987
3. SPONSOR'S NAME: Linh Ngoc Nghiem
Name

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>Tung Lien Nghiem</u>	<u>Brother</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: June 5, 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nghiem Ngoc An
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VAN THI HUONG	Sept 11, 1951	Wife.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

31 Truong Quoc Dung
Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City
VIETNAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ADDING DOCUMENT INCLUDE :

- DETERMINED TO CERTIFY OF DIVORCEMENT OF PREVIOUS WIFE
NAMED IS NGUYEN THI VUONG
- MARRIAGE CERTIFICATE AND BIRTH CERTIFICATE OF NOW WIFE

Ho Chi Minh City
Court of People
Tan Binh District

Socialist Republic of Viet Nam
Independence-Happiness-Freedom

1V# 0238345-CRU/V6

Determined of Court

No : 83/TTLH-ST

Date : June 29, 1988

Executed No : 202/TTLH

Date : June 8, 1988

DETERMINED TO CERTIFY OF DIVORCEMENT:

Today, June 29, 1988. We are Nguyen thi Xuan Mai, judge and Ms. Tran thi Thanh Truc, clerk who work at the Court of People address : 201/239 Hoang Viet, Village 4, Tan Binh District to process the divorcement between :

-Mr: NGHIEM NGOC AN Date of birth : 1941
Profession : None .
Address : 304 Pham van Hai, Village 5, Tan Binh District
-Mrs: NGUYEN THI VUONG Date of birth : 1951
Profession : Trader .
Address : As same as above .

SUBJECT :

Mr: AN and Mrs: VUONG agreed to live together since the end of 1973 and made the certificate of marriage on April, 1974 at Da Nang. They did not organize the wedding ceremony; reasonly. Mrs VUONG had been married and had one child with the previous husband .

Solution from Mr AN's parents did not agree Mrs VUONG is their daughter-in-law ; therefore, between Mrs VUONG and Mr AN's parents happened unpeacefully which influenced to Mr AN's and Mrs VUONG's happiness. Although both did also discuss for peacefully living together but the resust was not available .

On 1975 , Mr AN was re-educated because he was a Major of RVN Air Force and on 1987 he was released for reunification but the contradiction between them was not improved. They argued to each other always .

Since 1988, Mr AN has returned to live with his parents until now. Mr AN and Mrs VUONG did cut off entirely their relationship in order to avoid to be conflicted .

Judged that they were not happy, contradiction could not improve, and had no spouse sentiment . Therefore , Mr AN and Mrs VUONG agreed to divorce . Court conciliated but unsuccess . Both still request to be divorced .

- They have no own children and property .
- Based on the volunteer to agree for a divorce and to be reasonable for children.
- Based on the article 40 of the law of marriage and family .

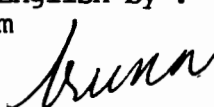
COURT OF PEOPLE OF TAN BINH DISTRICT DETERMINED:

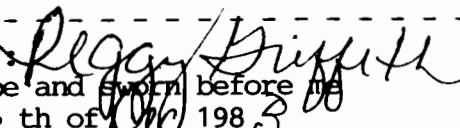
- 1/ Spouse relationship : Certified for agreement to divorce between Mr: NGHIEM NGOC AN and Mrs : NGUYEN THI VUONG .
- 2/ Children : None .
- 3/ Property : None .
 - Fee of court is 300 Piasters , each pays a half .
 - Both has a rightious to against a decision in 15 days since the date of this determined .

No: 3009/S7/HC
Certified true copy of original
Submitted at People's committee Village 5
August 5 , 1988
For the People's committee Village .
Chief Clerk Nguyen Khia Ky (Signed & Sealed)

Judge (Signed and Sealed)
Nguyen thi Xuan Mai
July 15 , 1988
Court of People
Tan Binh District

Translated into English by :
Trung kien Nghiem



NOTARY : 
Subscribe and sworn before me
the 16 th of July 1988

PEGGY GRIFFITH
Commission Expires 1/25/89

T/ HỒ CHÍ MINH

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN TÂN BÌNH

quyết định sơ thẩm

số : 83/TTLH-ST

ngày : 29/6/1988

thủ lý số : 202/TTLH

ngày : 8/6/1988

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự Do Hạnh Phúc

QUYẾT ĐỊNH

CỘNG NHẬP VIỆC THỰC TÌNH LY HÔN

Hôm nay, ngày 29 tháng 6 năm 1988 chúng tôi gồm Nguyễn Thị Xuân Mai thẩm phán
cố cố Trần Thị Thanh Trúc thư ký giám việc tại
tòa án nhân dân số 201/239 Hồng
Việt Nam 4 Tân Bình công trình hình xét và
việc thuận tình ly hôn giữa :

ANH NGUYỄN NGỌC AN sinh : 1941

n/nghị : chưa

n/tại : 304 Phạm Văn Hai phường 5 Tân Bình

CHỊ NGUYỄN THỊ VƯƠNG sinh : 1951

n/nghị : Bùn bán

n/tại : Cùng đại chỉ

/)//ĐI DANG

Anh AN, chị VƯƠNG tự nguyện chung sống với nhau vào cuối năm 1973, có lễ
hôn thú vào tháng 4/1974 tại LA HANG. Anh chị không có tổ chức lễ cưới vì
chị VƯƠNG đã có 1 đời chồng, có 1 con riêng con gái, gia đình anh AN
không đồng ý.

Xuất phát từ việc gia đình anh AN không đồng ý chị VƯƠNG là dâu nên khi
anh chị về chung sống với nhau giữa chị VƯƠNG và gia đình chồng có những bất
bất hòa gay gắt làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng anh chị cứ lẩn tránh
gắt, xích mích nhau. Mặc dù hai bên cố gắng, bên bạc để cuộc sống chung
được thuận hòa nhưng kết quả vẫn không đạt được. Đến năm 1975 anh
AN đi học tập cải tạo vì là thiếu tá không quân, đến năm 1987 được về
xua học gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không có thể được giải
lưuân học học, cải và đến đầu năm 1988 anh AN về sống hẳn nhà cha mẹ ruột d
đến nay, để tránh trình trạng xô xát xảy ra, hai bên hoàn toàn cắt đứt
tất cả quan hệ với nhau. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, Mâu
thuân gia đình không khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn anh
chị thỏa thuận ly hôn. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành, hai bên
yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung và tài sản chung không có.

(2)

- Căn cứ vào sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa đôi bên và sự thỏa thuận hợp tình hợp lý về con cái .

- Căn cứ vào điều 40 của luật hôn nhân và gia đình .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về quan hệ vợ chồng : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nghiệm Ngọc Sơn và chị Nguyễn Thị Vương .

2/ Về con cái : Không có

3/ Về tài sản chung : Không có

Ước tính sơ thẩm là 300\$ Mỗi bên chịu 1/2 .

Hai bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

Sau y bản chánh

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Mai

Ngày 15 tháng 8 năm 1988

Tòa án nhân dân quận Tân Bình

Số 2009/SY/HC
TNGH

ÁN CHÁNH

Ngày 5

8 tháng 8



M 771



NGUYỄN THỊ XUÂN MAI

Socialist Republic of Vietnam
Independence-Happiness- Freedom

1V# 0238345- CRU/V6

Department of the interior
Camp: Nam Ha
Number : 22/GRT

0/0/1/3/7/8/2/5/6/4/2

Form No: 001-QLTG
Enforced by the file
No:2565,on Jan 21,1972.

R E L E A S E D P A P E R

-According to the circularity number 966-BCA/TT on May 31,1961 of the Department of Security.
-Executed the sentence, determined of the discharge number 18 on August 31,1987 of the Department of the interior.

Issued the released- paper for:

Name: NGHIEM NGOC AN. Date of birth: 1941.

Other name:

Place of birth: Ha Dong.

Address before being arrested: 578 Hoang van Thu, Tan Binh
Gia Dinh, Ho Chi Minh, Viet Nam

Committed: Major, Vice Commander of the Flying Squadron.

Date of arrested: June 15,1975.

Condemned: Concentration and re-education.

According to the determination,the sentence No:___/Date:___/
Month:___/Year:___/of the Department of the interior.

To be increased 3 times of the condemnation; Added and became 9
years:___/ Month.

To be decreased:___/Time; Added and became:___/year:___/month:___/

Now to come back at: 578 Hoang Van Thu ,Tan Binh, Gia Dinh
Ho Chi Minh, Viet Nam.

Judged of the past of the re-education:

-IDEA: Did not manifest badly yet.

-LABOUR: Participated regularly,guaranteed for daily labour.

-STUDY: Participated regularly in the re-educated classes.

-INTERIOR REGULATIONS: Did not make any seriously mistake yet.

CATEGORY: Average re-education.

He, himself must be present at the people's committee, Tan Binh
Gia Dinh, Ho Chi Minh City before of date 30, month Sept, Year 1987.

Nghiem ngoc An's
right thumb print.

Number: 6314.

At: The military justice.

(PRINTED)

Name, signature of
the holder's released
paper.

(SIGNED)

Nghiem ngoc An

Sept 9, 1987
Head of the camp

(SIGNED and SEALED)
Upper-Lieutenant Colonel
Luu Van Man

Translated into English by:
Linh Nghiem Ngoc.

NOTARY:
Subscribed and sworn before me
the 15 th of April 1988.

Linh Nghiem

Peggy Griffith

PEGGY GRIFFITH
Commission Expires 1/25/89

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban

hành theo công văn số

2565 ngày 21 tháng 11

năm 1972

Trại LIÊN HẠSố 221 GR1

0 0 4 3 1 7 0 1 2 1 1 4 2 1

S8SL8

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 1 ngày 21 tháng 8 năm 1972

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nghiêm ngọc ân Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hà đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCMCan tội thiếu tá Địch quân đảoBị bắt ngày 15-6-75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

BỘ NỘI VỤ

Đã bị tăng án 3 lần, cộng thành 9 năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCM

Nhận xét quá trình cải tạo

+ Tư tưởng: chưa có biểu hiện gì xấu

+ Lao động: tham gia đều, đảm bảo ngày công

+ Học tập: tham gia đều các buổi học tập do trại tổ chức

+ Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn

Xếp loại cải tạo trung bình khá

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: Tân bình, Gia định, TPHCMTrước ngày 20 tháng 9 năm 19 82

Lần tay ngón trở phải

Của Nghiêm ngọc ânDanh Bân số 6314Lập tại Quận phápHọ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nghiêm ngọc ân

Ngày 9 tháng 9 năm 19 82

Trưởng trại



THƯỢNG TÁ: LƯU VĂN KHÁN

People Committee
Village : 01
District : 03
City : Ho chi Minh

Socialist Republic of Viet Nam
Independence-Happiness-Freedom

Form:HT 13/P3

COPY OF

MARRIAGE CERTIFICATE

No : 125

Book# 01

HUSBAND :

Name : NGHIEM NGOC AN
Alias :
Birth date : January 12 , 1941
People : Lowlander
Nationality : Vietnamese
Occupation : None
Registered residence : 102 Lot F Nguyen thien Thuat
Complex,Village 1, District 3
ID : 022537414

WIFE :

Name : VAN THI HUONG
Alias :
Birth date : November 09 , 1951
People : Lowlander
Nationality : Vietnamese
Occupation : Worker
Registered residence : 31 Truong quoc Dung
Phu Nhuan District
ID : 300446846

Registered on 7 september , 1988
For the people's committee of Village 1
District 3 .
(SIGNED and SEALED)

Husband's signature
(SIGNED)
Nghiem ngoc An

Wife's signature
(SIGNED)
Van thi Huong

Certified true copy of original
Date : 16 month : September year : 1988
For the people's committee of Village 1,
District 3 .
Chief of clerk Pham thi Hoa
(Signed and Sealed)

Translated into English by :
Trung kien Nghiem

Trung kien Nghiem

NOTARY : *Peggy Griffith*
Subscribe and sworn before me
the 16 th of Dec 1988

PEGGY GRIFFITH
Commission Expires 1/25/89

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mô. HT 13/P3

Xã, Thị trấn 01

BẢN SAO

Thị xã, Quận 03

Thành phố, Tỉnh HCM

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 125

Quyển số 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	Nghiêm-Ngọc-Ấn	Văn-thị-Hương
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	12 - 01 - 1941	09 - 11 - 1951
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt	Nam
Nghề nghiệp		Công nhân viên
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	102 lô F Chung Cư Nguyễn thiện Thuật P1/Q3	31 Trương-Quốc-Dung Quận Phú Nhuận
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	022537414	300446846

Người chồng ký
(Đã ký)

Người vợ ký
(Đã ký)

Đăng ký ngày 7 tháng 9 năm 1988
TM/UBND Phước 1/Q3
Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 9 năm 1988

TM/UBND Phước 1/Q3

Ký tên, đóng dấu (Chỉ rõ họ tên chức vụ)

THỦ KÝ
Phạm Thị Hoa

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Bản số 13860

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi một (1951)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Văn thị Hương
Phái	con gái
Ngày sanh	ngày chín tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi một, 2g25
Nơi sanh	90/28 đường Minh Phụng
Tên, họ người cha . .	Văn thế Báu
Nghề-nghiep	Thợ kỹ
Nơi cư-ngụ	137, đường Alexandre de Rhodes
Tên, họ người Mẹ . . .	Võ thị Lý
Nghề nghiệp	Không nghề
Nơi cư-ngụ	137, đường Alexandre de Rhodes
Vợ chánh hay thứ . . .	vợ chánh

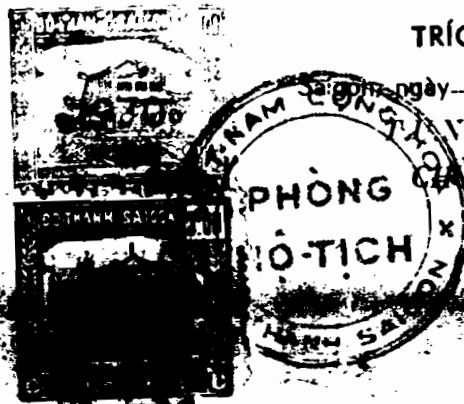
TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH :

MH.10

ngày 15 tháng 8 năm 19 70

ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH,



CHỨC-TÀI VINH

70# 0238845 CRU/V6

15 OCT 1984

TO WHOM IT MAY CONCERN

This is to certify that AN NGOC NGHIEM attended the following training in the United States of America:

Pilot training (T-34 and T-28); Naval Air Station, Pensacola, FL; convened November 1963 and completed 02 July 1965.

Dr. J. Maelwitz

J. C. MAELWITZ
Head, Foreign Training
Section
Plans, Programs and
Analysis Branch
Security Assistance Division
Direction of the
Chief of Naval Operations

ENCLOSURE(1)

631E7 426 417513

JACKET NUMBER

AVIATION TRAINING SUMMARY
CHATRA Form 1540/JO (8-64) PAT (Formerly ATJ-7-0-A, B, and C)

UNIT NAME (Last, first and middle)										UNIT NAME NAVAL SERVICE		UNIT EML. GEN. NO.		OFFICER FILE NO.		DATE OF UTIL		DATE OF MARK					
AN, NGUYEN NTOC										VIET NAM						1-12-41							
PERMANENT ADDRESS														PROBATION SOURCE		GRADE FOLLOW							
VIET NAM																							
PHASE OF TRAINING	DATE REPORTED	DATE DETACHED	NUMBER DELINQUENCY REPORTS	NUMBER FLIGHT VIOLATIONS	TOTAL NUMBER FLIGHTS	TOTAL NUMBER UNSAT. FLIGHTS	(For research use only)			STANDARD SCORES			TO DETERMINE OVER-ALL GRADES		CONVERT TOTAL AND ENTER FINAL OVER-ALL GRADE HERE ↓								
							(6)	(7)	(8)	FLIGHT	GROUND	OLQ	A + B	(10)									
PRE-FLIGHT	11-18-64	5-28-64	4									27	C	F	C + P + E	(11)							
BASIC	5-28-64	7-14-65	0	0	118	7						32	36	D	G	(Applicable to AVGAD only) E + G + H	(12)						
(4) ADVANCED	☐ CV(J)																						
	☐ VA(P)																						
	☐ ME(P)																						
	☐ HELO																(14)						
CONVERSION TABLE NO.																							
FLIGHT TIME IN THE NAVAL AIR TRAINING COMMAND										CARRIER QUALIFICATIONS													
TRAINING SQUADRON	A/C MODEL	FIRST PILOT	CO-PILOT	SPEC. CREW	NIGHT	INSTRUMENT		TOTAL	PHASE	DATE QUALIFIED	A/C MODEL	LANDINGS		CATAPULT									
						90% - 100%	100% - 110%					T + G	ARRESTED										
VT-1	T-34	9.2	30.7					39.9	BASIC														
VT-3	T-28	35.8	105.3		12.3	0.1	23.2	141.1	ADVANCED														
WEAPONS QUALIFICATIONS																							
ITEM		GUNNERY		BOMBING		ROCKETS/SIDEWINDERS																	
NUMBER DROPPED/FIRED																							
AVERAGE FOOT ERROR																							
ACCIDENTS/INCIDENTS (Use Navy Code)										BOARD ACTIONS/DIRECT REFERRALS													
PHASE AND STAGE	TYPE	DAMAGE	IN-JURY	CAUSE		A/C MODEL	DATE	PHASE	STAGE	REASON (Use attrition code)	ACTION												
				PILOT	OTHER						BOARD VOTE	ADMIRAL											
								BASIC FORM		"A"	30↑												
								BASIC FORM		"A"	30↑												
PLACE DESIGNATED										(118) DATE		(119) RANK		(120) NAVAL AVIATOR NO.		(121) DUTY ASSIGNMENT		(122) TYPE ATTRITION		(123) STAGE		(124) DATE	
														RETURNED TO VIETNAM									

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGHIEM NGOC AN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : GIENG 12 1941
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 102 Lô F Chung Cư Nguyễn Thiện Thuật.
 (Dia chi tai Viet-Nam) Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): Jun 15, 1975 To (Den): Aug 31, 1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Bắc Việt Nam.
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Phi công

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 1963 - 1965 Naval Air Station, Pensacola, Florida
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1969 - 1970 England Air Force Base Louisiana, TX
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Thiếu tá
Phidao phó phi đoàn 516.
 Date (nam): 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 0238345-CR4/V6
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 1
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 102 Lô F Chung cư
Nguyễn Thiện Thuật, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Nghiem Ngoc Linh.

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột.

NAME & SIGNATURE: Linh M. Nghiem Ngoc Linh
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay): _____

DATE: 6 5 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

31 Trường quốc Dung.
Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

6. ADDITIONAL INFORMATION :
Xin bổ túc hồ sơ gồm giấy ly dị của người vợ trước tên là
Nguyễn Thị Vương -
- Giấy hôn thú của vợ sau này và giấy khai sinh -

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGHIEM NGOC AN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : GIENG 12 1941
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 102 Lô F Chung Cư Nguyễn Thiện Thuật
(Dia chi tai Viet-Nam) Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): June 15, 1975 To (Den): Aug 31, 1987
PLACE OF RE-EDUCATION: Bắc Việt Nam.
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): Phi Công
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 1963-1965 Naval Air Station, Pensacola, Florida
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1969-1970 England Air Force Base, Louisiana, TX
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Thiếu tá
Date (nam): 1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
IV Number (So ho so): 0238345-CRU/V6
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 1
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 102 Lô F Chung Cư
Nguyễn Thiện Thuật, Quận 3, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
Nghiem Ngoc Linh
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Em ruột.
NAME & SIGNATURE: Linh M. Nghiem
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay)
DATE: 6 5 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Ngọc Linh ¹²
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Văn Thị Hương	Sept 11, 1951	Vợ.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

31 Trường Quốc Dung
Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Xin hồ sơ ¹² hồ sơ gồm :
- Giấy ly dị của người vợ trước tên là Nguyễn Thị Vàng-
 - Giấy hôn thú của người vợ sau này và giấy khai sinh.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 0238345-CRU/V6
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGHIEM NGOC AN
Last Middle First

Current Address 102 LO F NGUYEN THIEN THUAN COMPLEX, DISTRICT 3
HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Date of Birth Jan 12, 1941 Place of Birth HADONG, VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) MAJOR, VICE COMMANDER FLYING SQUAD 576
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE 15, 1975 To AUG 31, 1987

3. SPONSOR'S NAME: LINH NGOC NGHIEM
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>TRUNG KIEN NGHIEM</u>	<u>BROTHER</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: June 5, 1987

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGHIEM NGOC AN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VAN THI HUONG	Sept 11, 1951	WIFE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

31 TRUONG QUOC DUNG

PHU NHUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ADDITIONAL DOCUMENT INCLUDE:

- DETERMINED TO CERTIFY OF DIVORCEMENT OF PREVIOUS WIFE.
- NAMED IS NGUYEN THI VUONG -
- MARRIAGE CERTIFICATE AND BIRTH CERTIFICATE OF NEW WIFE



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGHIEM NGOC ÂN
Last Middle First

Current Address 578 Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, Gia Định HCM.

Date of Birth 1941 Place of Birth HÀ ĐÔNG

Previous Occupation (before 1975) MAJOR
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6/15/75 To 9/9/87

3. SPONSOR'S NAME: NGHIEM NGOC LINH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGHIEM NGOC LINH</u>	<u>BLOOD BROTHER</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGHIEM NGOC AN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☐
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM :
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): 6/15/75 To (Den): 9/9/87

PLACE OF RE-EDUCATION: NAM HA
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep):

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):
Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☐
IV Number (So ho so):
No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN):

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

NGHIEM NGOC LINH

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE:
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Số *Su/8*
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y DẠNG CHÍNH
Xuất bản tại UBND Phường 4
Ngày *14* tháng *9* năm *1997*
UBND. PHUONG 4. TE.

 
Phạm Văn Long

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLT6, ban hành theo công văn số 2545 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại HÀM HÀ
221 CH

0 0 4 3 1 7 1 8 2 1 7 4 2 1
5818

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 968-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 10 ngày 31 tháng 8 năm 1977

của Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nghiêm ngọc ẩn Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hà đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCM

Can tội thiếu tá ĐUẨN PHẠM

Bị bắt ngày 15-6-75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của Bộ nội vụ

Đã bị tăng án 3 lần, cộng thành 9 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCM

Nhận xét quá trình cải tạo

- + Tư tưởng: chưa có biểu hiện gì xấu
- + Lao động: tham gia đều, đảm bảo ngày công
- + Học tập: tham gia đều các buổi học tập do trại tổ chức
- + Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn

Đã xếp loại cải tạo trung bình khá

Dương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: Tân bình, Gia định, TPHCM

Trước ngày 20 tháng 9 năm 19 87

Lưu tay nguyên trở phải
của Nghiêm ngọc ẩn

Đanh bản số 6314

Lập tại Quận pháp

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Nghiêm ngọc ẩn

Nghiêm ngọc ẩn

Ngày 9 tháng 9 năm 19 87



THƯỢNG TÁ: LƯU VĂN HÂN

Số *Su/8*
CHỨNG NHẬN GIỐNG Y DẠCH CHINH
Khuất trước tại UBND Phường 4
Ngày *14* tháng *9* năm *1997*
UBND. PHUONG 4. T.Đ.

  *Phạm Văn Long*
Phạm Văn Long

BỘ NỘI VỤ

Trại HẠM HẠ
Số 221 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0 0 4 3 1 7 1 8 2 1 1 1 1 1
SUSLO

Mẫu số 001-QT6, ban hành theo công văn số 2545 ngày 21 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 10 ngày 31 tháng 8 năm 1972

của

Vay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nghiêm ngọc ản Sinh năm 19 44

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hà đông

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCM

Cán tội thiếu tá Địch đoàn phó

Bị bắt ngày 15-6-75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của Bộ nội vụ

Đã bị täng án 3 lần, cộng thành 9 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 578 hoàng văn thụ, Tân bình, Gia định, TPHCM

Nhận xét quá trình cải tạo

+ Tư tưởng: chưa có biểu hiện gì xấu

+ Lao động: tham gia đều, đảm bảo ngày công

+ Học tập: tham gia đều các buổi học tập do trại tổ chức

+ Nội qui: chưa có gì sai phạm lớn

Xếp loại cải tạo trung bình khá

Dương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: Tân bình, Gia định, TPHCM

Trước ngày 20 tháng 9 năm 19 87

Lưu tay, ngón trỏ phải
của Nghiêm ngọc ản
Danh Bào số 6314
Lập tại Quận phước

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

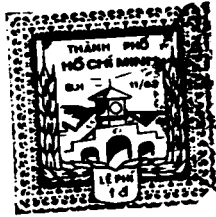
Nghiêm ngọc ản

Ngày 9 tháng 9 năm 19 87



THƯỢNG TÁ: LƯU VĂN KHÁN

Số *Su/Đ*
CHỨNG NHẬN GIỚING Y DẠNG CHÍNH
Xuất hiện ở *Số 1* đường *4*
Ngày *1* tháng *9* năm *1970*
HANOI. PHUONG. T.E.



VIỆN TÂM THẦN
Nguyễn Văn Long

Phạm Văn Long

Feb 2 , 1988 .

To : Whom it may concern .

Dear Sir / Madam .

As you know , I have a blood brother . His name is Nghiem ngoc An .
He was just released from the concentration camp in the North
Viet Nam on September , 1987 .

I am writing this letter is request you consider to my brother's
case and give to me some information about how to sponsor my brother.

Any help for this matter would be greatly appreciated .

Very sincerely yours ,

A handwritten signature in cursive script, appearing to read 'Linh Nghiem'.

Linh ngoc Nghiem .

PS : Attached is the photo copies of the released-paper of my brother
and the list of 480 poli-prisoners were released from the concentration
camps in the North Viet Nam on September , 1987 .

Feb 2 , 1988 .

To : Whom it may concern .

Dear Sir / Madam .

As you know , I have a blood brother . His name is Nghiem ngoc An .
He was just released from the concentration camp in the North
Viet Nam on September , 1987 .

I am writing this letter is request you consider to my brother's
case and give to me some information about how to sponsor my brother.

Any help for this matter would be greatly appreciated .

Very sincerely yours ,

A handwritten signature in cursive script, appearing to read 'Linh M. Nghiem'.

Linh ngoc Nghiem .

PS : Attached is the photo copies of the released-paper of my brother
and the list of 480 poli-prisoners were released from the concentration
camps in the North Viet Nam on September , 1987 .

Feb 2 , 1988 .

To : Whom it may concern .

Dear Sir / Madam .

As you know , I have a blood brother . His name is Nghiem ngoc An .
He was just released from the concentration camp in the North
Viet Nam on September , 1987 .

I am writing this letter is request you consider to my brother's
case and give to me some information about how to sponsor my brother.

Any help for this matter would be greatly appreciated .

Very sincerely yours ,

A handwritten signature in cursive script, appearing to read 'Linh M. Nghiem'.

Linh ngoc Nghiem .

PS : Attached is the photo copies of the released-paper of my brother
and the list of 480 poli-prisoners were released from the concentration
camps in the North Viet Nam on September , 1987 .

Fr: Linh Nghiem

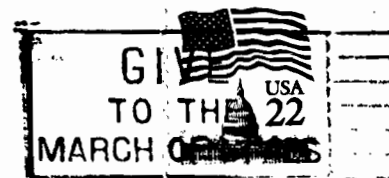
Nghiem Ngoc An

JUN 09 1989



To: Families of Vietnamese Political Prisoners Asso.
PO Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

Fr: Linh ngoc Nghiem



KG07N

FEB 03 1988

To : Hoi Tu Nhan Chinh Tri V.N

PO BOX : 5435

Arlington , VA 22205 - 0635

